

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-PT

Ngày: 19 - 3 - 2025

V/v: Chia di sản thừa kế theo  
pháp luật; hủy giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hàng Lâm Viên**

*Các Thẩm phán:* Bà **Ngô Thị Trang**

Bà **Phạm Thị Anh Trang**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đàm Vân Nha** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:**

Ông **Nguyễn Văn Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Chia di sản thừa kế theo pháp luật; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Lý Văn M**, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông M:* Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà A đường T, khu phố B, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Lý Văn K, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông K:* Ông Bá Trung Á, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Xuân V - Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân T – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (vắng mặt).

2. Bà Lý Thị Hồng M1, sinh năm 1959 (có mặt);

3. Ông Lý Văn L, sinh năm 1971 (có mặt);

4. Ông Lý Văn S, sinh năm 1973 (vắng mặt);

5. Ông Lý Văn H1, sinh năm 1975 (có mặt);

6. Ông Lý Thái B, sinh năm 1980 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

7. Bà Lý Thị Hồng T1, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận;

8. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Lý Văn M.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa ông Lý Văn M trình bày:*

Cha mẹ ông là cụ Lý Văn Đ (Diêm), chết năm 1993 và cụ Lê Thị D chết năm 2016, sinh được 08 người con chung: Lý Thị Hồng M1, Lý Văn M, Lý Văn K, Lý Văn L, Lý Văn S, Lý Văn H1, Lý Thị Hồng T1, Lý Thái B. Cha mẹ ông không có con riêng, con nuôi, chết không để lại di chúc.

Năm 1976 - 1977, cha mẹ ông có khai hoang, phục hóa thửa đất không rõ diện tích thuộc xã P, T, G. Thửa đất có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Võ Thái H2, phía Tây giáp đất ông Ngô D1, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn S1, phía Bắc giáp đường đi liên xã B, P. Khi xảy ra tranh chấp ông mới biết chính xác diện tích 15.802m<sup>2</sup> thuộc thửa 135. Từ khi khai hoang, thì các anh chị em ông là Lý Văn M,

Lý Thị Hồng M1 và Lý Văn L cùng cha mẹ canh tác trồng đậu, khoai ổn định đến năm 1993 cha ông chết nên để lại đất trồng. Năm 1997, ông Lý Văn L đăng ký trồng keo lá tràm cho nhà nước trên toàn bộ đất của cha mẹ để lấy tiền đất chăm sóc cây. Quá trình sử dụng đất thì ông K đã lên nhờ anh rể là ông Trần Văn S2 (chồng bà M1) đo đất và đăng ký quyền sử dụng đất riêng cho ông K. Khi xảy ra tranh chấp, ông Nguyễn Thái T2 là trưởng thôn S đã xác nhận tại buổi hòa giải của xã về việc làm sổ đỏ cho ông K là sai, vì thửa đất 135 có nguồn gốc của cha mẹ chứ không phải của ông K. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã P và Ủy ban nhân dân huyện T xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông K, không có các đồng thừa kế ký xác nhận là không đúng quy trình, thủ tục của Luật đất đai 2013.

Nay ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 313351 đã cấp cho ông Lý Văn K; Buộc ông Lý Văn K chia thừa kế thừa đất trên bằng hiện vật cho 08 người được nhận 8 phần bằng nhau.

Về chứng cứ: Ông xác định đất có nguồn gốc của cha mẹ khai hoang chưa đăng ký kê khai nên chưa được cấp giấy tờ; Tuy nhiên, có một số người sống gần đất và người làm công tác địa chính tại xã biết rõ, gồm: ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Chí D2, ông Nguyễn Thái T3, ông Ngô Xuân T4, Nguyễn Văn Đ1, ông Trần Ngọc T5, bà Phùng Thị N, ông Phạm Hữu N1 nên đề nghị Tòa chấp nhận.

Về diện tích, thực tế thửa đất 135 diện tích 15.802m<sup>2</sup> nhưng khi chỉ đo tại trích lục số 366/2023 ngày 23/7/2023 thể hiện diện tích 16.868m<sup>2</sup> trong đó lần đường 1.066m<sup>2</sup> thì ông thống nhất không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 08/02/2023, các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Lý Văn K trình bày:* Ông thống nhất lời khai của ông M về quan hệ huyết thống nhưng không chấp nhận lời khai của ông M về nguồn gốc đất và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận cũng như chia thừa kế của ông M.

Về nguồn gốc đất, ông khẳng định do vợ chồng ông (Lý Văn K, Nguyễn Thị G) tự khai hoang từ năm 1990. Sau khi khai hoang, vợ chồng ông canh tác trồng dưa lấy hạt liên tục đến năm 1997 đăng ký kê khai tại xã P, được quy chủ đứng tên trong Sổ mục kê của xã. Ông sử dụng đất ổn định và hợp đồng với Ban Q trồng cây keo lá Tràm đều không có ai tranh chấp hay ý kiến gì. Năm 2015, ông đăng ký quyền sử dụng và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 313357 ngày 23/6/2015. Năm 2021, khi dự án đường V đi qua, UBND huyện T ban hành quyết định số: 4424/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 thu hồi, bồi thường cho ông số tiền 18.976.500đ cũng không ai có ý kiến. Sau đó, ông M cho rằng đất của cha mẹ và tranh chấp đến nay. Ông M và các anh chị em yêu cầu chia thừa kế thừa đất trên là không có căn cứ.

*Tại phiên tòa, ông K và người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên ý kiến phản bác trên. Tại bản trình bày ý kiến ngày 16/01/2023, lời khai trong hồ sơ và tại*

*phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lý Thị Hồng M1, ông Lý Văn L, ông Lý Văn H1, bà Lý Thị Hồng T1, ông Lý Thái B cùng trình bày:*

Các ông bà thống nhất lời khai và yêu cầu của nguyên đơn về hàng thừa kế, về nguồn gốc đất và chứng cứ chứng minh. Các ông bà vẫn khẳng định thửa đất trên là di sản của cha mẹ để lại; Các ông bà đã từng canh tác cùng cha mẹ, cụ thể: bà M1 canh tác từ năm 1980 đến khi lấy chồng, bà T1 canh tác được 2 năm không nhớ thời điểm canh tác, ông M canh tác từ năm đến năm 1984 - 1985 thì giao ông L canh tác đến năm 1996 thì đại diện cho cha mẹ đăng ký trồng rừng, đến khi thu hoạch các anh chị em đều trực tiếp khai thác, hưởng lợi; Còn việc ông K đứng tên hồ sơ trồng rừng là đứng tên giùm cho ông L. Nay ông K tự ý làm Sổ đỏ mà không có ý kiến của các ông bà là không đúng quy định. Tại xã ông Lý Văn K có khai ông K nhờ ông Trần Văn S2 (chồng bà M1) kê khai, đăng ký để cấp quyền sử dụng cho ông K để làm nghĩa trang gia đình nên ông S2 và các ông bà không có ý kiến. Vì vậy, các ông bà vẫn khẳng định thửa đất trên là di sản của cha mẹ nên thống nhất yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K; Buộc ông Lý Văn K phải chia thửa đất trên cho 08 anh chị em là các đồng thừa kế, chia phần mỗi người bằng nhau để các ông bà sử dụng.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn S trình bày:* Ông xác nhận, cha mẹ ông là cụ Lý Văn Đ (Diêm), cụ Lê Thị D sinh được 08 người con, gồm: Lý Thị Hồng M1, Lý Văn M, Lý Văn K, Lý Văn L, Lý Văn S, Lý Văn H1, Lý Thị Hồng T1, Lý Thái B hiện đều còn sống. Cha mẹ không có con riêng, con nuôi. Cha chết năm 1993, mẹ chết năm 2016 đều không để lại di chúc. Khi còn sống, cha mẹ ông có rất nhiều đất nhưng đã chia hết cho các con làm ăn. Đối với thửa đất hiện các anh chị em tranh chấp đòi chia thừa kế có nguồn gốc do vợ chồng ông Kim T6 khai hoang, sử dụng từ năm 1990. Năm 1997, vợ chồng ông K thuê ông đến trồng cây và trả công cho ông; Thời điểm này vợ chồng ông sống cùng mẹ nên mẹ ông biết rõ. Khi các anh chị ông tranh chấp và báo với ông thì ông nói “*đất của ông K mà tranh chấp gì*” nên từ đó không ai liên lạc với ông nữa. Nay các anh chị em tranh chấp đòi chia thừa kế thửa đất của vợ chồng ông K là không đúng; Ông không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không yêu cầu gì. Ông yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2023, bản trình bày ý kiến ngày 27/6/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày:* Nguồn gốc thửa đất ông Lý Văn M tranh chấp với vợ chồng bà do vợ chồng bà khai hoang, có trồng cây keo lá Tràm. Bà đồng ý với ý kiến của ông Lý Văn K và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

*Tại văn bản số 813/UBND-TCD ngày 07/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T (CV 813) và tại phiên tòa, ông Lê Xuân T là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T xác định:* Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Văn K căn cứ nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất đã được Hội đồng tư vấn đất đai của xã xem xét

đề nghị, đã tiến hành kiểm tra hiện trạng, thẩm định niêm yết công khai danh sách hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận có hộ ông K nhưng bên nguyên đơn không có ý kiến. Năm 2022, thực hiện dự án đường V UBND huyện T có ra các quyết định thu hồi, bồi thường cho ông K cũng không ai có ý kiến; Đến nay nguyên đơn cũng không có giấy tờ gì chứng minh đất của cha mẹ. Qua xem xét, rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho ông K đều đúng quy trình, thủ tục nên không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận của nguyên đơn.

*Tại các văn bản trình bày ý kiến, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa,*

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:*

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các ông/bà: Lý Văn M, Lý Thị Hồng M1, Lý Văn L, Lý Văn H1, Lý Thị Hồng T1, Lý Thái B về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 313351 và yêu cầu ông Lý Văn K chia thừa kế thừa đất số 135, tờ bản đồ số 16 xã P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí định giá, án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/7/20224 của nguyên đơn ông Lý Văn M kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, theo hướng Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 313357 cấp ngày 23/6/2015 cho ông Lý Văn K; Buộc ông Lý Văn K phải trả lại số tiền bồi thường, hỗ trợ theo hỗ trợ theo quyết định số 147/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện T. Tại phiên tòa, người kháng cáo xác định yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất hiện còn lại sau khi bị thu hồi và đưa số tiền bồi thường vào giá trị di sản.

**Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

- Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa. Đơn kháng cáo của ông Lý Văn M hợp lệ.

- Vợ chồng cụ Đ, D không có bất cứ giấy tờ nào về quyền sử dụng đất qua các thời kỳ. Vợ chồng cụ Đ, cụ D cũng không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Ông Lý Văn K có quá trình sử dụng đất liên tục, ổn định từ năm 1993 đến năm 1997 được quy chủ trong sổ Mục kê, đăng ký trồng rừng và được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất hợp pháp. Ông Lý Văn K sử dụng đất, đăng ký quyền sử dụng đất các đồng thừa kế biết nhưng không phản đối nên Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn M là có căn cứ. Ông Lý Văn M kháng cáo không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Thủ tục tố tụng**

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Lý Văn M hợp lệ nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết.

[1.2] Ông Lý Văn M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Lý Văn K không thương lượng, hòa giải.

#### **[2] Các đương sự tranh luận**

[2.1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo cho rằng ông Lý Văn K không khai hoang đất; nguồn gốc đất tranh chấp là do vợ chồng cụ Đ, cụ D khai hoang trước năm 1975, sử dụng đến năm 1990 thì cụ D chết nên các con tiếp tục canh tác; các đồng thừa kế thỏa thuận bằng lời nói cho ông Lý Văn K đại diện đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất số: 135 tờ bản đồ số 16 xã P. Ông Lý Văn K đăng ký và được quy chủ trong sổ Mục kê trái pháp luật; ông Trần Văn S2 đăng ký kê khai giúp ông K nên hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K xác định sai nguồn gốc.

[2.2] Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng nguyên đơn không xuất trình được bất cứ chứng cứ nào chứng minh quyền sử dụng đất. Cơ quan quản lý đất đai khẳng định sau năm 1986, không có thông tin gì về việc sử dụng đất của vợ chồng cụ Lý Văn Đ đối với thửa đất đang tranh chấp. Vợ chồng cụ Đ từ khi còn sống không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất cũng như không có ý kiến gì về quyền sử dụng đối với thửa đất bị đơn đang sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Ông Lý Văn L trồng rừng trên thửa đất khác thửa đất ông K được cấp giấy chứng nhận. Ông K sử dụng đất liên tục, công khai, đăng ký quyền sử dụng đất trong khi các đồng thừa kế khác biết nhưng không phản đối nên Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Văn K là đúng pháp luật.

#### **[3] Xét kháng cáo**

[3.1] Nguồn gốc đất: Nguyên đơn cho rằng đất do vợ chồng cụ Đ, cụ D (cha, mẹ của nguyên đơn, bị đơn) khai hoang trước năm 1975 canh tác chủ yếu nhờ nguồn nước mưa đến năm 1986 do thời tiết nắng hạn nên để cho các con canh tác; nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ, tài liệu để chứng minh. Bị đơn cho rằng vợ

chồng bị đơn khai hoang đất nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh việc khai hoang. Những người làm chứng cũng như chính quyền địa phương xác định trước năm 1986 thấy gia đình cụ D canh tác trên đất, sau năm 1986 thì không biết việc sử dụng đất như thế nào. Ủy ban nhân dân xã P cung cấp thông tin: Thời điểm từ ngày 05/01/1981 đến trước ngày 15/10/1993 và 01/7/2004, tại vị trí thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16, Ủy ban nhân dân xã P không thành lập sổ Mục kê. Từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, thì vị trí thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16, theo sổ Mục kê do Ủy ban nhân dân xã P thành lập ngày 29/11/1997 được quy chủ cho ông Lý Văn K. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy việc quy chủ sử dụng đất cho ông Lý Văn K phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án như:

- Công văn số: 813/UBND-TCD ngày 07/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T trả lời cho Tòa án nhân dân huyện T thì các hộ dân xung quanh cho biết khoảng sau năm 1975 thấy vợ chồng cụ Đ, cụ D khai hoang đất sử dụng đến năm 1986, các hộ dân di chuyển đi nơi khác nên không có thông tin;

- Biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục số: 135), ông Lý Văn M, ông Lý Văn L, bà Lý Thị Hồng M1 thừa nhận cùng canh tác đất với vợ chồng cụ Đ đến năm 1990 cụ Đ chết, năm 1993 các ông, bà không còn canh tác trên đất;

- Vợ chồng ông Lý Văn K phục hóa đất, ký kết Hợp đồng trồng rừng năm 1997, sử dụng đất liên tục, công khai ngay tình, được các đồng thừa kế biết nhưng không phản đối, không tranh chấp, được chứng minh: Bà Lý Thị Hồng M1 được chồng là ông Trần Văn S2 thông tin ông Lý Văn K đã đăng ký quyền sử dụng đất nhưng bà M1 không phản đối; cụ D còn sống nhưng cũng không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất; ông Lý Văn M thừa nhận đăng ký thửa đất số: 135 cho ông Lý Văn K (bút lục số: 134). Ông Lý Văn M trồng rừng trên thửa đất khác, không phải cùng thửa đất mà ông Lý Văn K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng;

- Các Quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước khi thu hồi đất làm đường V, Sơn H3 quy chủ cho ông Lý Văn K thì các đồng thừa kế không phản đối.

[3.2] Vợ chồng cụ Đ, cụ D không canh tác đất liên tục, chấm dứt sử dụng trước năm 1993, không đăng ký kê khai cũng như không có bất cứ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất. Thời điểm cụ Đ còn sống cũng như sau khi cụ Đ chết thì cụ D và các đồng thừa kế khác không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất; không tranh chấp về quyền sử dụng đất. Thửa đất số: 135, tờ bản đồ số: 16 xã P được vợ chồng ông Lý Văn K canh tác, đăng ký trồng rừng năm 1997 là có thật (bút lục số: 36-39), được quy chủ Sổ Mục kê đất năm 1997 xã P (bút lục số: 212).

[3.3] Trước thời điểm ông Lý Văn K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng cụ Đ, cụ D không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 1987, 1993, 2003. Trên đất tranh chấp không có cây trồng, không có nhà ở hoặc công trình, vật kiến trúc của vợ chồng cụ Đ, cụ D. Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ quá trình sử dụng đất, đăng ký kê khai theo quy định của pháp luật về đất đai,

xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Văn K đúng thẩm quyền, đúng đối tượng vì quyền sử dụng đất nêu trên không còn là di sản thừa kế theo hướng dẫn tại mục II khoản 1 của Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình.

[3.4] Căn cứ các nhận định nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật giải quyết vụ án, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn phải chịu hai khoản án phí không có giá ngạch tương ứng số tiền: 600.000đ là chưa chính xác vì yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được Tòa án chấp nhận thì nguyên đơn cũng không phải chịu án phí. Đối với yêu cầu chia thừa kế không được Tòa án chấp nhận thì ông M phải chịu 300.000đ (Ông M từ đủ 60 tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí sơ thẩm). Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại số tiền án phí sơ thẩm, ông M phải chịu 300.000đ.

[4] Ông Lý Văn M là người cao tuổi thuộc đối tượng được xem xét miễn án phí theo quy định tại các Điều 12, 13, có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 308 khoản 1; Điều 313 khoản 6; các Điều 12, 13, 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lý Văn M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn M đối với ông Lý Văn K tranh chấp chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện T cấp cho ông Lý Văn K số bìa: BX 313357 vào sổ cấp: CH 00087 ngày cấp 23/6/2015, thửa đất số: 135, tờ bản đồ số: 16 thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (Ông Lý Văn K là người đang chiếm hữu, sử dụng thửa đất).

3. Chi phí thẩm định, định giá: Nguyên đơn tự nguyện chịu 3.600.000đ (đã nộp đủ tiền).

4. Án phí:

4.1. Ông Lý Văn M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001443 ngày 12/10/2022, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, ông M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Lý Văn M được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/3/2025./.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện T;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký và đóng dấu)

**Hàng Lâm Viên**